

BẢN TIN

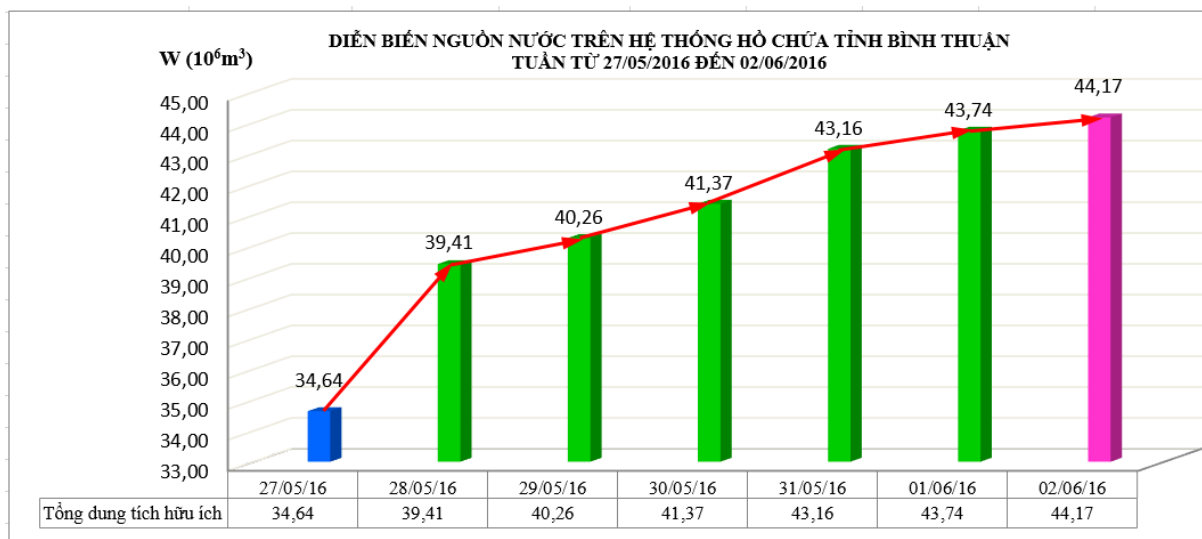
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN LƯU VỰC SÔNG LỮY - LA NGÀ TỈNH BÌNH THUẬN NĂM 2016

(Tuần từ 03/06/2016 đến 09/06/2016)

1. KIỂM KÊ THỰC TRẠNG NGUỒN NƯỚC TRÊN HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH BÌNH THUẬN

1.1. Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập từ ngày 27/05 - 02/06/2016

Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi tỉnh Bình Thuận từ ngày 27/05/2016 đến 02/06/2016 được trình bày tại Hình 1. Trong tuần vừa qua, trên địa bàn tỉnh hầu hết các ngày đều có mưa nên đã có nguồn nước bổ sung cho các hồ, đập. Do đó tổng lượng nước trong các hồ, đập có xu hướng tăng hơn so với tuần trước, Mức tăng bình quân đạt 1,59 triệu m³/ngày, tổng lượng tăng là 9,53 triệu m³. Vì ngày 27/5/2016 toàn tỉnh có mưa lớn nên ngày 28/5/2016 tổng dung tích các hồ chứa tăng mạnh lên 39,4 triệu m³ (tăng 4,8 triệu m³ so với ngày 27/5/2016), những ngày tiếp theo mưa ít hơn nên tổng dung tích các hồ tăng nhẹ từ (0,4-1,8) triệu m³/ngày.



Hình 1: Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập tỉnh Bình Thuận từ 27/05-02/06/2016

1.2. Kiểm kê thực trạng nguồn nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 02/06/2016

1.2.1. Nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi.

Tính đến ngày 02/06/2016 tổng dung tích của 16 hồ, đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận là 44,17 triệu m³, đạt 20,4 % so với tổng dung tích thiết kế. Mặc dù tuần vừa qua, có mưa trên địa bàn tỉnh Bình Thuận, tuy nhiên lượng mưa không lớn, lượng nước mặt bổ

sung cho các hồ, đập còn ít. Một số hồ đập vẫn còn cạn nước như hồ Sông Móng, hồ Núi Đất và đập Sông Phan.

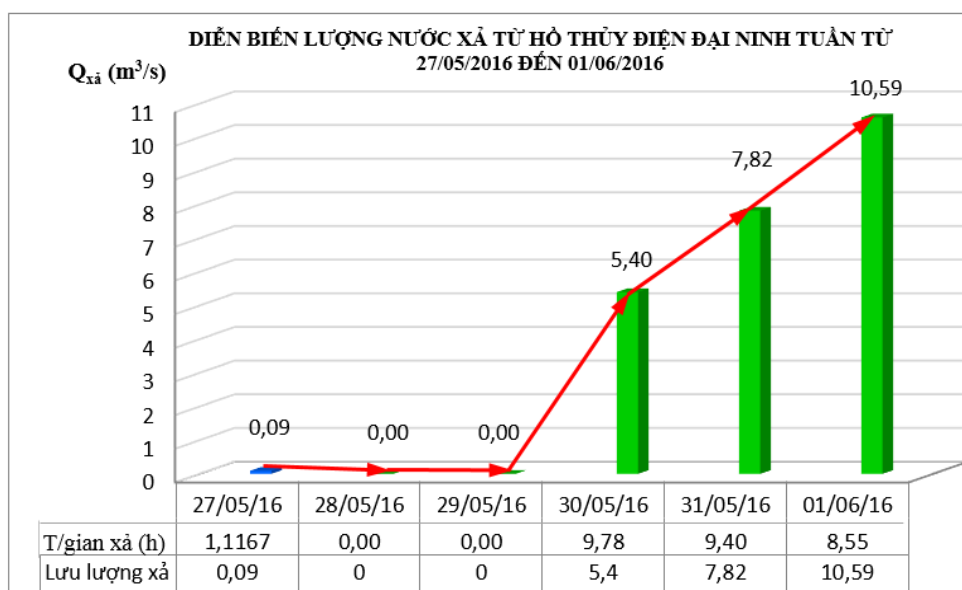
Bảng 1: Tổng hợp dung tích các hồ, đập tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 02/06/2016

STT	Tên các Hồ chứa	DUNG TÍCH (10 ⁶ m ³)						Tỷ lệ dung tích hữu ích hiện tại so với thiết kế
		Hiện tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích thiết kế	Hữu ích hiện tại	
1	Đá Bạc	0,9	4,870	9,718	0,392	4,478	▲ 0,506	11,34%
2	Lòng Sông	10,332	37,160	40,271	3,464	33,696	▲ 6,868	20,38%
3	Cà Giây	15,719	36,921	63,209	8,409	28,512	▲ 7,310	25,64%
4	Sông Khán	0,635	2,014	2,520	0,261	1,753	▲ 0,374	21,36%
5	Sông Quao	23,470	73,000	80,000	5,700	67,300	▲ 17,770	26,40%
6	Suối Đá	2,356	9,131	12,786	1,273	7,858	▲ 1,083	13,78%
7	Cắm Hang	0,994	1,180	1,215	0,013	1,167	▲ 0,981	84,10%
8	Sông Móng	2,398	37,156	51,515	2,985	34,171	▲ -0,587	-1,72%
9	Ba Bàu	3,334	6,938	11,403	0,964	5,974	▲ 2,370	39,68%
10	Đu Đủ	1,254	3,664	5,217	0,297	3,367	■ 0,957	28,41%
11	Tân Lập	1,066	1,070	1,520	0,07	1,000	▲ 0,996	99,64%
12	Tà Mon	0,151	0,657	0,72	0,05	0,607	▲ 0,101	16,64%
13	Núi Đất	0,504	8,466	9,648	0,566	7,900	▼ -0,062	-0,79%
14	Trà Tân	3,681	3,888	8,333	0,403	3,485	▲ 3,278	94,07%
15	Sông Phan	0,340	3,022	3,579	0,172	2,850	▲ 0,168	5,91%
16	Phan Dũng	3,287	13,674	18,925	1,233	12,441	▲ 2,054	16,51%
Tổng Cộng		70,423	242,811	320,579	26,252	216,559	44,171	20,40%

Ghi chú: ▲ ▼ ■ Thể hiện dung tích hồ tăng, giảm, giữ nguyên so với đầu tuần (ngày 27/05/2016)

1.2.2. Nguồn nước thủy điện

Đến ngày 02/06/2016, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Đại Ninh là 33,2 triệu m³/251,7 triệu m³, đạt 13,2 % so với dung tích hữu ích thiết kế, tăng 2,73 triệu m³ so với đầu tuần (ngày 27/05/2016).



Hình 2: Diễn biến lượng nước xả từ hồ Thủy điện Đại Ninh từ ngày 27/05/2016 đến 01/06/2016

Tính đến ngày 02/06/2016, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Hàm Thuận là 124,4 triệu m³/ 522,5 triệu m³, đạt 23,81 % so với dung tích hữu ích thiết kế, giảm 7,35 triệu m³ so với đầu tuần (ngày 27/05/2016).

Bảng 2: Dung tích hồ chứa thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận tính đến ngày 02/06/2016

Stt	Tên Các Hồ Chứa	DUNG TÍCH (10 ⁶ m ³)						Tỷ lệ dung tích hiện tại
		Hiện Tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích Thiết kế	Hữu ích Hiện tại	
1	<u>Đại Ninh</u>	101,259	319,770	549,820	68,040	251,730	33,219	13,20%
2	<u>Hàm Thuận</u>	297,136	695,230	976,650	172,730	522,500	124,406	23,81%
Tổng Cộng		398,395	1,015,000	1,526,470	240,770	774,230	157,625	20,36%

Từ ngày 27/05/2016 đến ngày 02/06/2016, Thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi và Thủy điện Đại Ninh cơ bản đảm bảo duy trì thời gian và lưu lượng chạy máy phát điện kết hợp cấp nước về hạ du theo Biên bản thống nhất kế hoạch điều tiết nước hồ thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi và Đại Ninh ngày 24/3/2016 giữa Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Thuận với các Nhà máy Thủy điện.

2. DỰ BÁO TÌNH HÌNH MƯA VÀ NGUỒN NƯỚC

2.1. Tài liệu dự báo

Tài liệu mưa ngày, khí tượng, thủy văn của các trạm chính trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (Trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân, Cà Ná) từ năm 1978-2015.

Tài liệu dự báo mưa, bốc hơi tại trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân.

Tài liệu diện tích sản xuất thực tế và kế hoạch sản xuất của tỉnh Bình Thuận năm 2016. Lịch thời vụ các loại cây trồng.

Quy trình vận hành và quan hệ đặc tính lòng hồ F~Z~W của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận và các hồ thủy điện Đại Ninh, Hàm Thuận – Đa Mi.

Lượng xả dự kiến của các hồ thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi.

2.2. Công cụ dự báo

Trong dự báo này sử dụng 2 mô hình chính là : mô hình thủy văn MIKE NAM và mô hình cân bằng nước MIKE BASIN đã được hiệu chỉnh và kiểm định.

- Sử dụng mô hình NAM để tính toán dòng chảy mặt trên các lưu vực sông.

- Sử dụng mô hình MIKE BASIN để tính toán khả năng nguồn nước các lưu vực sông tỉnh Bình Thuận theo không gian và thời gian.

2.3. Dự báo tình hình khí tượng, thủy văn khu vực tỉnh Bình Thuận

Dự báo KTTV tháng 06/2016	Dự báo KTTV tuần 1 tháng 06/2016 (từ ngày 1/06-10/06/2016)
a. <u>Khí tượng:</u> -Dự báo lượng mưa tháng 6/2015 đạt xấp xỉ và có	a. <u>Khí tượng:</u> - Dự báo lượng mưa phổ biến từ: khu vực

nơi cao hơn TBNN. Cụ thể ở các khu vực như sau: Đức Linh, Tánh Linh và vùng núi Hàm Thuận Bắc (Đông Giang) phổ biến: 300 - 400mm, với 18 - 20 ngày mưa. Khu vực trung tâm và ven biển phía nam: 100 - 150mm có nơi 150 - 250mm, với 14 - 16 ngày mưa. Khu vực phía bắc: 50 - 75mm có nơi 80 - 120mm, với 10 - 12 ngày mưa.

- Tổng lượng bốc hơi: 120 - 140mm.

b. Thủy văn:

Mức nước tại trạm Tà Pao và sông Lũy tại trạm Sông Lũy ít thay đổi. Đạt giá trị thấp hơn TBNN.

+ Tà Pao: Htb = 116,50m; Hmax = 118m;
Hmin = 115,60m.

+ Sông Lũy: Htb = 23,30m; Hmax = 24,00m
Hmin = 23,00m.

phía bắc tỉnh 20 - 40mm, khu vực trung tâm và phía nam tỉnh 50 - 75mm có nơi 80 - 120mm, vùng núi phía Tây và Tây nam: 100 - 150mm đạt xấp xỉ TBNN; với 4 - 8 ngày mưa.

- Tổng lượng bốc hơi: 40 - 50mm.

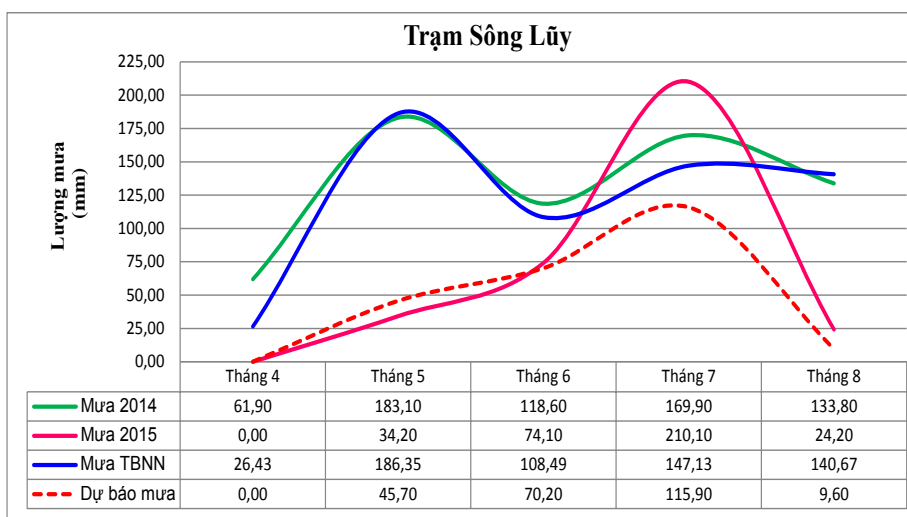
b. Thủy văn:

Mức nước tại trạm Tà Pao và tại trạm Sông Lũy ít thay đổi. Đạt giá trị thấp hơn TBNN.

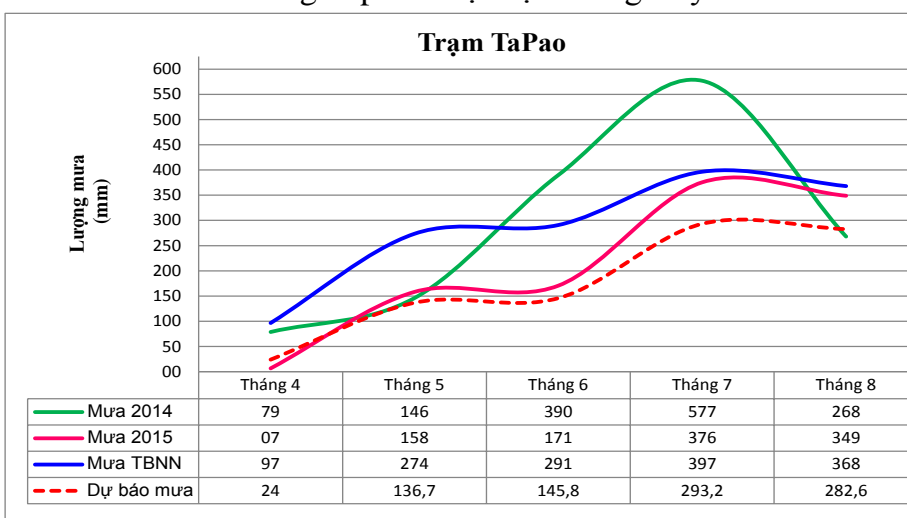
+ Tà Pao: Htb=116,45m; Hmax = 118,00m; Hmin = 115,60m.

+ Sông Lũy: Htb = 23,20m; Hmax = 24,00m; Hmin = 23,00m

(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)



Hình 3: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo trong giai đoạn 5 tháng tiếp theo tại trạm Sông Lũy



Hình 4: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo trong giai đoạn 5 tháng tiếp theo tại trạm Tà Pao

2.4. Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập thủy lợi vụ Hè Thu năm 2016 tỉnh Bình Thuận.

Bảng 3: Kết quả dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập vụ Hè Thu (tháng 6 – 8) năm 2016 tỉnh Bình Thuận

T T	LV Sông/ Hồ	Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập vụ Đông Hè Thu (10^6 m^3)			
		Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tổng cộng (10^6 m^3)
1	Hồ Đá Bạc	-	-	0,05	0,05
2	Hồ Phan Dũng	1,81	1,61	3,48	6,9
3	Hồ Lòng Sông	0,26	1,31	6,16	7,73
4	Đập Sông Lũy	22,34	35,57	42,72	100,63
5	Hồ Cà Giây	4,28	2,79	6,03	13,1
6	Đập Đồng Mới, Tú Sơn,..	41,27	21,97	31,85	95,09
7	Hồ Sông Quao	27,79	34,04	46,82	108,65
8	Hồ Suối Đá	1,56	1,02	2,2	4,78
9	Hồ Sông Khán	1,04	0,7	1,5	3,24
10	Hồ Cà Giang	1,24	0,57	0,32	2,13
11	Hồ Cẩm Hàng	0,65	0,72	0,88	2,25
12	Hồ Sông Móng	3,37	3,14	7,21	13,72
13	Đập Ba Bàu	7,54	6,38	13,93	27,85
14	Hồ Đu Đủ	0,6	0,91	0,83	2,34
15	Đập Sông Phan	12,16	12,86	14,73	39,75
16	Hồ Tân Lập	0,52	2,2	1,37	4,09
17	Hồ Tà Mon	0,99	0,98	3,62	5,59
18	Hồ Núi Đất	0,99	0,98	3,62	5,59
19	Hồ Sông Dinh	24,03	53,73	84,29	162,05
20	Đập Cô Kiều	0,78	0,78	2,89	4,45
21	Sông La Ngà (Tới đập Tà Pao)	157,49	158,86	213,01	529,36
22	Hồ Trà Tân	2,2	2,22	4,21	8,63
	Tổng cộng				1.147,97

Theo Biên bản thống nhất ngày 24/3/2016 giữa Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Thuận với các Nhà máy Thủy điện. Dự kiến lượng nước xả tới tháng 6 của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận - Đa Mi như sau :

Bảng 4: Dự kiến lượng nước xả của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi

Thủy Điện		Tháng				Tổng (10^6 m^3)
		5	6	7	8	
Đại Ninh	Lưu lượng Q_{bq} ngày(m^3/s)	2	5	11	11	23,1
	Thời gian CM tối thiểu (giờ)	7	8	7	7	
Hàm Thuận-Đa Mi	Lưu lượng Q_{bq} ngày(m^3/s)	25	20	36	36,2	167,3
	Thời gian CM tối thiểu (giờ)	16	12	12	12	

3. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Kết quả tính toán nhu cầu nước vụ Hè Thu 2016 (từ tháng 6 đến tháng 8) được trình bày tại bảng 5, kết quả cho thấy: Tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất vụ Hè Thu năm 2016 là 166,55 triệu m³ (trong đó tháng cần nhiều nước nhất là tháng 6: 85,4 triệu m³ và tháng 7 : 50,3 triệu m³).

Bảng 5: Bảng tổng hợp nhu cầu nước tại đầu mối các công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận theo kế hoạch sản xuất năm 2016

Đơn vị: Triệu m³

TT	LV Sông, hồ	Vụ Hè Thu 2016						
		Kế hoạch diện tích sản xuất vụ Hè Thu (ha)			Nhu cầu nước vụ Hè Thu (10 ⁶ m ³)			
		Lúa	Cây CN, Nho, Thanh Long	Thủy sản	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tổng
Tổng cộng		33787,6	14761,4	647,5	85,4	50,3	30,8	166,55
1	Hồ Đá Bạc	271,4	54	-	0,72	0,50	-	1,21
2	Hồ Phan Dũng	124	108	-	0,54	0,45	-	0,99
3	Hồ Lòng Sông	3062	195	79,2	8,21	5,81	-	14,02
4	Đập Sông Lũy	6.378,80	294	-	18,35	15,51	12,98	46,85
5	Hồ Cà Giây	1.410,00	396	-	4,17	3,54	2,99	10,70
6	Đập Đồng Mới, Đồng Mãng, Tú Sơn...	1.027,00	276	-	4,17	3,75	3,34	11,26
7	Hồ Sông Quao	6369	6622,81	-	11,54	17,40	7,40	36,35
8	Hồ Suối Đá	235	470	-	0,36	0,60	0,20	1,16
9	Hồ Sông Khán	74	34	-	0,13	0,20	0,08	0,41
10	Hồ Sông Móng	-	178	-	-	-	-	-
11	Đập Ba Bàu	726,32	3640	-	1,73	0,49	1,03	3,24
12	Hồ Đu Đú	97	987,67	-	0,22	0,05	0,13	0,40
13	Đập Sông Phan	1	604,8	-	0,07	0,07	0,07	0,21
14	Hồ Tân Lập	-	473,76	-	-	-	-	-
15	Hồ Tà Mon	-	137,4	-	-	-	-	-
16	Hồ Núi Đất	430	226	-	1,26	0,52	0,84	2,62
17	Hồ Sông Dinh	417	64	-	2,01	1,33	1,64	4,98
18	Đập Cô Kiều	40	-	-	0,14	0,08	0,11	0,33
19	Sông La Ngà (Tới Đập Tà Pao)	13.024,20	-	568,3	31,73	-	-	31,73
20	Hồ Trà Tân	100,9	-	-	0,09	-	-	0,09

4. DỰ BÁO KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VỤ HÈ THU 2016

4.1. Dự báo nguồn nước trong các hồ/đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tuần từ 03/06/2016 đến 09/06/2016

Dự báo nguồn nước trong hệ thống các hồ đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đến ngày 09/06/2016 được trình bày tại bảng 6, kết quả cho thấy: Dung tích tại các hồ chứa trên địa bàn tỉnh hầu hết đều tăng, tổng dung tích các hồ chứa đến ngày 09/06/2016 đạt

51,44 triệu m³ (chiếm 23,75% so với dung tích thiết kế), tăng 7,27 triệu m³ so với thời điểm hiện tại (ngày 02/06/2016).

Bảng 6: Kết quả dự báo nguồn nước trong các hồ/đập công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận đến ngày 09/06/2016

TT	Hồ chứa	Cao trình mực nước bình thường (m)	Dung tích hữu ích thiết kế (10 ⁶ m ³)	Nguồn nước hiện tại - 02/6/2016			Dự kiến nguồn nước đến 09/6/2016		
				Cao trình mực nước hiện tại (m)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến ngày 02/6/2016 so với thiết kế	Cao trình mực nước (m)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến 09/6/2016 so với thiết kế
1	Hồ Đá Bạc	31,01	4,478	26,55	0,508	11,34%	26,78	▲ 0,6	13,48%
2	Hồ Lòng Sông	76,95	33,696	61,78	6,868	20,38%	61,97	▲ 7,08	21,01%
3	Hồ Cà Giây	74,7	28,512	70,35	7,310	25,64%	70,59	▲ 8,48	29,74%
4	Hồ Sông Khán	106,95	1,753	103,07	0,374	21,36%	103,36	▲ 0,45	25,49%
5	Hồ Sông Quao	89	67,3	78,42	17,770	26,40%	78,61	▲ 18,44	27,39%
6	Hồ Suối Đá	47	7,858	44,00	1,083	13,78%	44,47	▲ 1,841	23,43%
7	Hồ Cẩm Hang	25	1,167	24,65	0,981	84,10%	24,94	▲ 1,135	97,28%
8	Hồ Sông Móng	75,8	34,171	64,40	-0,587	-1,72%	65,54	▲ 0,683	2,00%
9	Đập Ba Bàu	42	5,974	40,52	2,370	39,68%	41,37	▲ 4,263	71,36%
10	Hồ Đu Đủ	61	3,367	58,17	0,957	28,41%	58,39	▲ 1,087	32,28%
11	Hồ Tân Lập	44	1	43,99	0,996	99,64%	44,00	▲ 1,000	100,00%
12	Hồ Tà Mon	46,5	0,607	43,40	0,101	16,64%	44,82	▲ 0,297	48,95%
13	Hồ Núi Đất	23,5	7,9	16,80	-0,062	-0,79%	17,12	▲ 0,059	0,75%
14	Hồ Trà Tân	95	3,485	94,90	3,278	94,07%	95,00	▲ 3,485	100,00%
15	Đập Sông Phan	70	2,85	62,40	0,168	5,91%	63,60	▲ 0,432	15,16%
16	Hồ Phan Dũng	206,4	12,441	199,35	2,054	16,51%	199,42	▲ 2,109	16,95%
	Tổng		216,559		44,17	20,40%		51,44	23,75%

Ghi chú: ▲▲▲ Dung tích hồ tăng, giảm, giữ nguyên so với hiện tại

4.2. Dự báo khả năng cấp nước vụ Hè Thu 2016

Với kế hoạch sản xuất và dự báo nguồn nước vụ Hè Thu, dự báo từ 03/06-31/8/2016 sẽ có:

- + 03/20 hồ/ đập nguồn nước ít để bố trí diện tích tưới bao gồm: Hồ Lòng Sông (đáp ứng 77,5%), hồ Đá Bạc (42%), hồ Núi Đất (83,7%).
- + 17/20 hồ/đập có khả năng đáp ứng cho vụ Hè Thu: Đập Sông Lũy, hồ Cà Giây, Hệ thống đập Đồng Mới, Tú Sơn..., hồ Sông Quao, hồ Suối Đá, hồ Sông Khán, hồ Sông Móng, đập Ba Bàu, hồ Đu Đủ, đập Sông Phan, hồ Tân Lập, hồ Tà Mon, hồ Sông Dinh, đập Cô kiều, Sông La Ngà (tới đập TaPao), hồ Trà Tân, hồ Phan Dũng.

Kết quả dự báo khả năng đáp ứng nhu cầu nước của các hồ chứa vụ Hè Thu 2016 được tổng hợp trong Bảng 7

Bảng 7: Bảng tổng hợp dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp vụ Hè Thu tỉnh Bình Thuận năm 2016

TT	LV Hồ, Đập	Dự báo khả năng cấp nước vụ Hè Thu						
		Lượng nước thiếu (10 ⁶ m ³)				Khả năng cấp nước tưới vụ Hè Thu 2016	Tháng thiếu nhiều nước nhất	
		Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tổng		Tỷ lệ đáp ứng	Tháng
1	Hồ Đá Bạc (*)	0,209	0,496		0,705	42,45%	0%	Tháng 7
2	Hồ Phan Dũng (*)	0	0		0	100%	100%	
3	Hồ Lòng Sông (*)	0,542	2,661		3,203	77,47%	54,20%	Tháng 7
4	Đập Sông Lũy	0	0		0	100%	100%	
5	Hồ Cà Giây	0	0	0	0	100%	100%	
6	Đập Đồng Mới, Tú Sơn...	0	0	0	0	100%	100%	
7	Hồ Sông Quao	0	0	0	0	100%	100%	
8	Hồ Suối Đá	0	0	0	0	100%	100%	
9	Hồ Sông Khán	0	0	0	0	100%	100%	
10	Hồ Sông Móng	0	0	0	0	100%	100%	
11	Đập Ba Bàu	0	0	0	0	100%	100%	
12	Hồ Đu Đủ	0	0	0	0	100%	100%	
13	Đập Sông Phan	0	0	0	0	100%	100%	
14	Hồ Tân Lập	0	0	0	0	100%	100%	
15	Hồ Tà Mon	0	0	0	0	100%	100%	
16	Hồ Núi Đất	0,305	0,078	0,041	0,424	83,71%	75,76%	Tháng 6
17	Hồ Sông Dinh	0	0	0	0	100%	100%	
18	Đập Cô Kiều	0	0	0	0	100%	100%	
19	Sông La Ngà (*) (Tới Đập Tà Pao)	0			0	100%	100%	
20	Hồ Trà Tân (*)	0			0	100%	100%	
Tổng					4,336			

Kiến nghị:

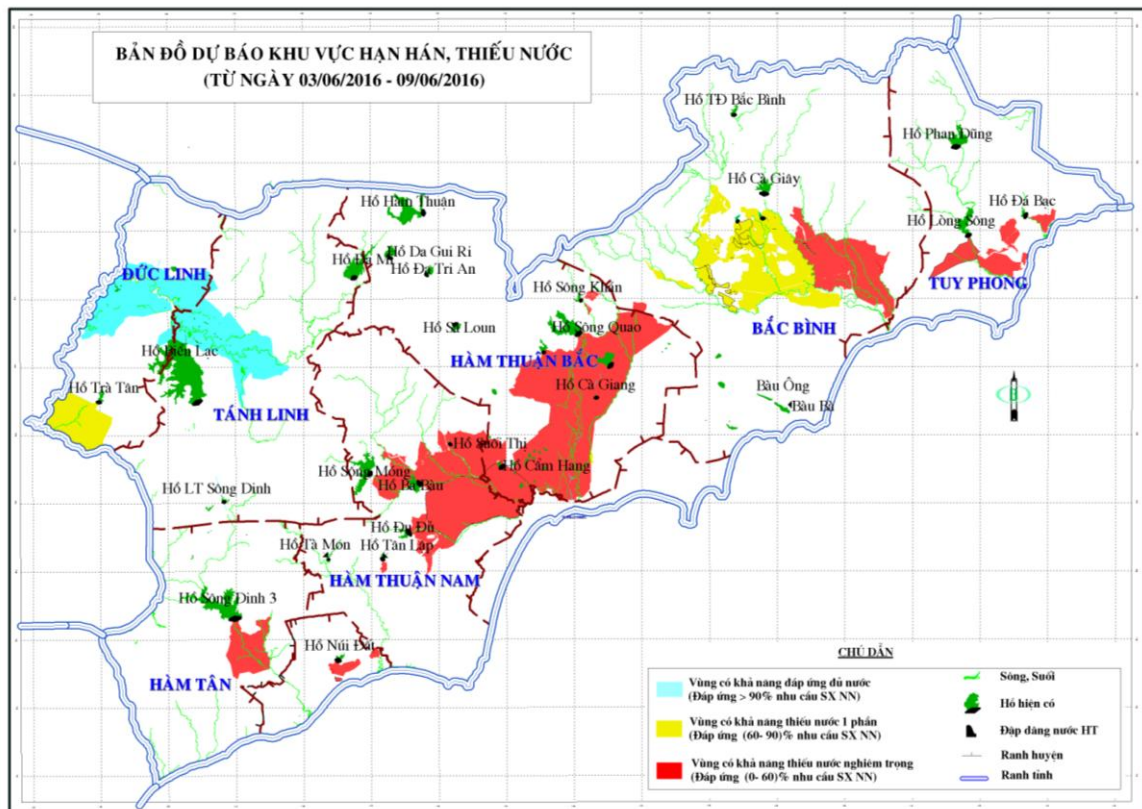
Trên cơ sở kết quả kiểm đếm nguồn nước hiện có của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận, mưa đã bắt đầu xuất hiện, tuy nhiên ngành nông nghiệp địa phương cần : Tiếp tục triển khai các biện pháp phòng chống hạn hán có nguy cơ ảnh hưởng đến cây trồng, vật nuôi; Thường xuyên theo dõi lưu lượng xả nước của Thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi; Thường xuyên theo dõi diễn biến mưa và nguồn nước các hồ để có kế hoạch xuống giống hợp lý cho vụ Hè Thu.

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 09/06/2016 cho thấy tổng dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh đạt 51,4 triệu m³ (chiếm 23,75% so với dung tích thiết kế), do đó kiến nghị kế hoạch sử dụng nước tại một số hồ chứa thủy lợi trong tỉnh Bình Thuận đến ngày 09/6/2016 như sau:

- Hồ Lòng Sông: 7,08 triệu m³, hồ Phan Dũng: 2,1 triệu m³, hồ Đá Bạc 0,6 triệu m³

nên ưu tiên cấp nước sinh hoạt cho nhà máy nước thị trấn Liên Hương, nước uống cho gia súc;

- Hồ Cà Giây: 8,5 triệu m³: ưu tiên cấp nước cho sinh hoạt, nước uống cho gia súc, tưới cho cây thực phẩm và cây công nghiệp ngắn ngày;
- Hồ Sông Quao: 18,4 triệu m³: ưu tiên cấp nước sinh hoạt cho thị trấn Ma Lâm huyện Hàm Thuận Bắc và thành phố Phan Thiết;
- Hồ Sông Móng: 0,68 triệu m³, đập Ba Bàu: 4,2 triệu m³, hồ Tà Mon: 0,3 triệu m³, hồ Đu Đủ: 1,09 triệu m³, hồ Tân Lập: 1 triệu m³ ưu tiên cấp nước sinh hoạt cho thị trấn huyện Hàm Thuận Nam;
- Hồ Núi Đất hết nước, hồ sông Dinh 3: 3,9 triệu m³ ưu tiên cấp nước sinh hoạt cho Thị xã LaGi;
- Nguồn nước tại Đập Tà Pao (sau nhà máy thủy điện Hàm Thuận – Đa Mi) cấp đủ nước sản xuất vụ Hè Thu theo kế hoạch 2016.



Hình 5: Bản đồ dự báo các vùng/khu vực có khả năng hạn hán, thiếu nước từ ngày 03/06/2016 đến ngày 09/06/2016

Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam, 02/06/2016

(Lưu ý: Để phục vụ kịp thời cho sản xuất ứng phó chủ động với tình hình hạn hán, kính đề nghị địa phương, các đơn vị sử dụng nếu có ý kiến, đề nghị phản hồi lại Tổng cục Thủy lợi để cập nhật trong các bản tin tiếp theo).

Bản tin này cũng được đăng trên địa chỉ Website : <http://www.siwrr.org.vn> . Các thông tin về tình hình hạn hán, sản xuất và những yêu cầu cấp thiết khác xin gửi về Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam qua địa chỉ email: vkhtlmn@gmail.com và tncnbvmt@gmail.com ./.